

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trinh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch;  
Bà Đào Thị Giang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 960/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa:

***- Nguyên đơn:*** Ông Tạ Xuân P, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp O, xã Y, huyện C, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tạ Xuân P trình bày:***

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; ông và bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012 ngày 08/11/2012. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc, sau đó giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả ông, bà đều thay đổi tính cách, quan điểm sống. Ông và bà N đã cố gắng thay đổi và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể hòa hợp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

+ Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Tạ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/11/2009 và Tạ Nguyễn Gia G, sinh ngày 06/5/2014. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Phản phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn ông Tạ Xuân P khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có nơi cư trú tại Ấp O, xã Y, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn ông Tạ Xuân P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà N.

## [2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông P, bà N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012 ngày 08/11/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa ông P, bà N là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông P trình bày trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do cả ông P và bà N đều thay đổi tính cách, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng bà N không có mặt. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N; Tuy nhiên, bà N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng chăm sóc con chung. Hơn nữa, tại biên bản xác minh ngày 10/12/2020, mẹ ruột bà N là bà Phạm Thị L trình bày, hiện ông P, bà N không còn chung sống với nhau; bà N và hai con đang cùng chung sống tại nhà của bà và bà N cũng có nguyện vọng được ly hôn với ông P do ông P hiện đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông P, bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông P, bà N được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Ông P, bà N có 02 con chung là Tạ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/11/2009 và Tạ Nguyễn Gia G, sinh ngày 06/5/2014. Sau khi ly hôn, ông P yêu cầu giao cả 02 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Ông P tự

nguyên cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bà N đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung; hiện nay cháu K và cháu G cũng đang được bà N nuôi dưỡng; đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2020, cháu Tạ Nguyễn Đăng K có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và sự cần thiết của việc đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là Tạ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/11/2009 và Tạ Nguyễn Gia G, sinh ngày 06/5/2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Xuân P về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Tạ Xuân P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là Tạ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/11/2009 và Tạ Nguyễn Gia G, sinh ngày 06/5/2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Ông Tạ Xuân P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006054 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom được tính trừ vào tiền án phí ông P phải nộp. Ông P phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

4. *Thi hành bản án của Tòa án:* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trinh**

